CÔNG TY CỔ PHẦN
SÁCH & TBTH KIÊN GIANG
BAN KIỂM SOÁT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kiên Giang, ngày 12 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
Thẩm tra báo cáo tài chính và tình hình hoạt động kinh doanh năm 2023

Căn cứ Điều 170 của Luật doanh nghiệp về quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Sách – Thiết bị Trường học Kiên Giang (Công ty);

Căn cứ vào báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại ngày 31/12/2023.

Ban kiểm soát báo cáo Đại hội Cổ đông kết quả giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính năm 2023 của Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Trường học Kiên Giang, như sau:

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2023	Thực hiện năm 2023	TH/KH (%)	Thực hiện năm 2022	TH 2023 so với 2022	
					Tuyệt đối	(TL %)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**155,700,000,000**	**158,404,533,667**	**101.7%**	**151,168,961,304**	**7,235,572,363**	**104.8%**
2. Các khoản giảm trừ	4,600,000,000	6,404,533,667	139.2%	6,375,717,903	28,815,764	100.5%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-03)	**151,100,000,000**	**152,000,000,000**	**100.6%**	**144,793,243,401**	**7,206,756,599**	**105.0%**
4. Giá vốn hàng bán	126,046,100,000	126,583,481,358	100.4%	118,732,609,483	7,850,871,875	106.6%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**25,053,900,000**	**25,416,518,642**	**101.4%**	**26,060,633,918**	**(644,115,276)**	**97.5%**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	100,000,000	169,168,783	169.2%	213,880,032	(44,711,249)	79.1%
7. Chi phí tài chính	700,000,000	430,141,954	61.4%	479,199,158	(49,057,204)	89.8%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	500,000,000	*430,141,954*	*86.0%*	*447,995,136*	*(17,853,182)*	*96.0%*
8. Chi phí bán hàng	17,212,179,800	17,157,346,045	99.7%	17,662,746,749	(505,400,704)	97.1%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	4,376,267,892	5,445,260,697	124.4%	5,427,133,711	18,126,986	100.3%
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD 30=20+(21-22)-(24+25)}	**2,865,452,308**	**2,552,938,729**	**89.1%**	**2,705,434,332**	**(152,495,603)**	**94.4%**
11. Thu nhập khác	900,000,000	1,550,774,573	172.3%	1,569,675,391	(18,900,818)	98.8%
12. Chi phí khác	-			-	-	
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**900,000,000**	**1,550,774,573**	**172.3%**	**1,569,675,391**	**(18,900,818)**	**98.8%**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**3,765,452,308**	**4,103,713,302**	**109.0%**	**4,275,109,723**	**(171,396,421)**	**96.0%**

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2023	Thực hiện năm 2023	TH/KH (%)	Thực hiện năm 2022	TH 2023 so với 2022	
					Tuyệt đối	(TL %)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	564,817,846	652,391,562	115.5%	679,414,425	(27,022,863)	96.0%
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	**3,200,634,462**	**3,451,321,740**	**107.8%**	**3,595,695,298**	**(144,373,558)**	**96.0%**
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*) (70)	2,140	2,258	105.5%	2,434	(176)	92.8%

- Doanh thu thuần đạt 100,6% kế hoạch năm, tăng 5% so cùng kỳ năm trước (tương ứng tăng 7 tỷ 206 triệu đồng);

- Giá vốn hàng bán đạt 100,4% so kế hoạch, tăng 6,6% so với cùng kỳ năm trước (tương ứng tăng 7 tỷ 850 triệu đồng);

- Chi phí tài chính đạt 61,4% so kế hoạch và giảm 10,2% so với cùng kỳ năm trước (tương ứng giảm 49 triệu đồng);

- Chi phí bán hàng đạt 99,7% so kế hoạch, giảm 2,9% so với cùng kỳ năm trước (tương ứng giảm 505 triệu đồng);

- Chi phí quản lý doanh nghiệp đạt 124,4% so với kế hoạch chủ yếu là tiền lương trích bổ sung, tăng 0,3% so với cùng năm trước (tương ứng tăng 18 triệu đồng);

Từ những yếu tố nêu trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế đạt 107,8% so với kế hoạch năm, giảm 4% so với cùng kỳ năm trước (tương ứng giảm 144 triệu đồng).

2. Tình hình tài chính tại ngày 31/12/2023.

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Chênh lệch	
			Tuyệt đối	(TL %)
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	**33,818,851,756**	**30,335,381,815**	**3,483,469,941**	**11.5%**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**2,192,801,750**	**2,890,839,421**	**(698,037,671)**	**(24.1%)**
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**4,012,241,962**	**6,658,510,684**	**(2,646,268,722)**	**(39.7%)**
IV. Hàng tồn kho. Trong đó:	**27,509,380,104**	**20,710,899,668**	**6,798,480,436**	**32.8%**
V. Tài sản ngắn hạn khác	**104,427,940**	**75,132,042**	**29,295,898**	**39.0%**
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	**7,161,889,275**	**7,674,752,805**	**(512,863,530)**	**(6.7%)**
I. Các khoản phải thu dài hạn	-	-		
II. Tài sản cố định	**6,819,256,746**	**7,374,358,682**	**(555,101,936)**	**(7.5%)**
1. Tài sản cố định hữu hình	**5,279,256,746**	**5,834,358,682**	**(555,101,936)**	**(9.5%)**
3. Tài sản cố định vô hình	**1,540,000,000**	**1,540,000,000**	-	**0.0%**
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	
V. Tài sản dài hạn khác	**342,632,529**	**300,394,123**	**42,238,406**	**14.1%**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Chênh lệch	
			Tuyệt đối	(TL %)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**40,980,741,031**	**38,010,134,620**	**2,970,606,411**	**7.8%**
NGUỒN VỐN			-	
A- NỢ PHẢI TRẢ	**18,096,326,777**	**16,768,010,280**	**1,328,316,497**	**7,9%**
I. Nợ ngắn hạn. Trong đó:	**18,096,326,777**	**16,768,010,280**	**1,328,316,497**	**7,9%**
B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	**22,884,414,254**	**21,242,124,340**	**1,642,289,914**	**7.7%**
I. Vốn chủ sở hữu	**22,884,414,254**	**21,242,124,340**	**1,642,289,914**	**7.7%**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	12,310,600,000	12,310,600,000	-	0.0%
2. Thặng dư vốn cổ phần	552,400,000	552,400,000	-	0.0%
7. Quỹ đầu tư phát triển	1,231,060,000	1,231,060,000	-	0.0%
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	8,790,354,254	7,148,064,340	1,642,289,914	23.0%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**40,980,741,031**	**38,010,134,620**	**2,970,606,411**	**13.0%**

3. Một số chỉ tiêu tài chính năm 2023

Chỉ tiêu				TH 2023	TH 2022	+/-
3.1. Khả năng thanh toán						
- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	=	Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn	=	1.87	1.84	0.03
- Khả năng thanh toán nhanh	=	Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho / Nợ ngắn hạn	=	34.9%	58.3%	(23.4%)
3.2. Về cơ cấu nguồn vốn						
- Nợ trên Tổng tài sản	=	Tổng nợ / Tổng tài sản	=	44.2%	43.5%	(0.7%)
- Nợ trên Vốn chủ sở hữu	=	Tổng nợ / Vốn chủ sở hữu	=	79.1%	76.9%	2.2%
3.3. Về năng lực hoạt động						
- Vòng quay hàng tồn kho	=	Giá vốn / Hàng tồn kho bình quân	=	5.25	5.29	(0.04)
- Doanh thu thuần trên Tổng tài sản	=	Doanh thu thuần / Tổng tài sản	=	3.71	3.81	(0.1)
3.4. Về khả năng sinh lời						
- Lợi nhuận sau thuế trên Doanh thu thuần	=	Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	=	2.3%	2.5%	(0.2%)
- Lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sở hữu	=	Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	=	15.1%	16.7%	(1.6%)
- Lợi nhuận sau thuế trên Tổng tài sản	=	Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	=	8.4%	9.5%	(1.1%)

Nhìn chung, các chỉ tiêu tài chính năm 2023 cho thấy Công ty hoạt động kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển được vốn đầu tư của chủ sở hữu. Tuy nhiên, cần quan tâm đến cơ cấu nguồn vốn vì hiện tại mức nợ phải trả chiếm 44% trên tổng nguồn vốn, gấp 1,47 lần vốn đầu tư của chủ sở hữu, vòng quay hàng tồn kho chậm. Mức nợ cao dẫn đến mức độ độc lập về vốn giảm, bị

phụ thuộc nhiều vào các khoản nợ vay, nợ phải trả khách hàng khi đến hạn.

Vòng quay hàng tồn kho thấp, chỉ có 5,3 vòng, số ngày tồn kho bình quân lên 70 ngày.

4. Nhận xét và kiến nghị:

- Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2023.

- Lợi nhuận sau thuế năm 2023 đạt 107,8% so kế hoạch năm, giảm 4% so với cùng kỳ năm trước, lãi cơ bản trên cổ phiếu là 2.334 đồng, giảm 4,1% so với thực hiện cùng kỳ năm trước; doanh thu thuần tăng 7 tỷ 206 triệu đồng so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

Với kết quả trên cho thấy, các chỉ tiêu tài chính trong năm 2023 Công ty đạt so với kế hoạch đề ra, hoạt động có hiệu quả, khả năng bảo tồn được vốn đầu tư của chủ sở hữu.

- Nợ phải thu ngắn hạn giảm 39,7% (tương đương giảm 2tỷ 646 triệu đồng) so với số đầu năm, tuy nhiên hàng tồn kho tăng 32,8% (tương đương 6 tỷ 798 triệu đồng) so với số đầu năm.

- Nợ phải trả tăng 7,9% chiếm tới 44% tổng tài sản; hàng tồn kho tăng trên 32,8% và chiếm 67,1% trên tổng tài sản. Nhằm để đảm bảo dòng tiền, an toàn trong thanh khoản, hạn chế tài trợ từ phía ngân hàng, giảm chi phí sử dụng vốn, tránh phát sinh nợ quá hạn và chi phí lưu kho, hàng giảm chất lượng. Công ty cần đẩy nhanh vòng quay thu hồi công nợ và tăng vòng quay hàng tồn kho. Bên cạnh đó Công ty cần đàm phán với Nhà xuất bản có chính sách hỗ trợ cho Công ty như thời gian thanh toán, chi phí chậm thanh toán...

Đối với các công nợ khó đòi kiến nghị rà soát đánh giá chi tiết từng đối tượng nợ, khả năng thu hồi đã kéo dài nhiều năm, đưa ra phương án xử lý theo quy định.

Trên đây là báo cáo quá trình thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát năm 2023 trình Đại hội./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Lê Thị Thùy

Nơi nhận:
- Hội đồng quản trị;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: BKS.